

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯƠNG MỸ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-02-2020

V/v: “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **20** tháng **02** năm **2020**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐHPTST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị TTM**, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn: Anh TDL**, sinh năm 1988;

Nơi đăng ký HKTT và cư trú: thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa:

Chị TTM - Có mặt:

Anh TDL - Vắng mặt:

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn - chị TTM trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh TDL kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Sau

khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh L tại thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng do không hợp nhau nên không nói chuyện, chia sẻ được với nhau nên mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015. Chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại Đội 7, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội để ở từ năm 2016 và vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với Anh TDL để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh TDL có 01 con chung là cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013. Hiện nay cháu L1 đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu KL1. Nếu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập khoảng 6 triệu/tháng nên đủ điều kiện chăm sóc cháu. Về nơi ở, sinh hoạt: Cháu L1 vẫn ở với chị và gia đình từ nhỏ đến nay.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn - anh TDL vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2020, ông TDV là bố đẻ anh TDL trình bày:**

Về hôn nhân: Anh TDL và chị TTM kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Chương Mỹ trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với gia đình ông tại Thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống với nhau ông thấy giữa chị M và anh L có mâu thuẫn, cãi nhau và có xô xát nhẹ chứ không đánh nhau. Năm 2016, chị M bỏ về nhà mẹ đẻ tại Đội 7, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sống. Nay chị M xin ly hôn ông đề nghị Tòa án khuyên chị M để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh TDL và chị TTM có 01 con chung là cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013. Hiện nay cháu L1 đang ở với chị M. Ly hôn, ai là người nuôi dưỡng con chung ông để anh L, chị M tự quyết định.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh TDL và chị TTM sống cùng gia đình ông nên không có tài sản gì.

Tại phiên tòa: Chị TTM giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh TDL; chị M giữ nguyên nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố Tụng Dân sự; Các đương sự: Chị TTM đã chấp hành đúng qui định của pháp

luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh TDL không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TTM và cho chị M được ly hôn anh TDL; *Về con chung:* Đề nghị giao cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013 cho chị M nuôi dưỡng cho đến khi cháu L1 tròn 18 tuổi. Anh TDL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không xem xét; *Về án phí:* Chị TTM phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh TDL hiện cư trú tại: thôn 5, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh TDL: Anh TDL đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh L vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh TDL.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị TTM và anh TDL kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 04/5/2012 nên hôn nhân giữa chị M và anh L là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị M thì giữa vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Đội 7, thôn 2, xã Q, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội sống từ năm 2016 và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, việc chị M và anh L ly thân từ năm 2016 đến nay được ông TDV (bố đẻ anh L) thừa nhận.

Nhận thấy: Chị TTM và anh TDL đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2016), giữa chị M và anh L không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (chị M và anh L), nay chị M không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa chị TTM và anh TDL là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M và cho chị M được ly hôn anh L để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị TTM và anh TDL có 01 con chung là cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013. Hiện cháu L1 đang sống cùng chị M. Ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu TTKL1. Xét thấy, cháu TTKL1 đã ở cùng chị M từ khi vợ chồng ly thân năm 2016 nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị M và giao cháu KL1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu KL1 đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh TDL có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh TDL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh L cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị TTM không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp anh TDL có yêu cầu về tài sản chung, công sức, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.5] Về án phí: Chị TTM phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị TTM được ly hôn anh TDL.

2. Về con chung: Chị TTM và anh TDL có 01 con chung là TTKL1, sinh ngày 19/6/2013.

Giao cháu TTKL1, sinh ngày 19/6/2013 cho chị TTM trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu TTKL1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Anh TDL có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh TDL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh TDL cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị TTM phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị TTM đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004399 ngày 02 tháng 12 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị TTM có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh TDL có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Q, huyện Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long